

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỐT NỐT
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 32/2023/DS-ST

Ngày: 18-5-2023.

V/v: “Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Khúc Thị Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Tăng Tài Thủ

2/ Bà Trần Thúy Kiên

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân
quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ
tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Kiều Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt,
thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số
12/2023/TLST- DS ngày 06 tháng 01 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra
xét xử số 285/2023/QĐXX-ST ngày 11/4/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số:
358/2023/QĐST-DS ngày 27 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP H MB)

Địa chỉ: E N, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hoàng L, chức danh: Tổng giám
đốc.

Ủy quyền cho: Ông Bùi Đức Q, chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng Q1.
Văn bản ủy quyền ngày 20/7/2020

Ủy quyền tham gia tố tụng: anh Phạm Thanh T, sinh năm 1994, *có mặt*

Địa chỉ: 4 N, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ.

Văn bản ủy quyền ngày 08/12/2022

- *Bị đơn:*

1. Bà Ngô Thị Ú, sinh năm 1974, *vắng mặt lần 2 không lý do*

2. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1972, *vắng mặt lần 2 không lý do*

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* chị Nguyễn Thị Kiều T1, *vắng
mặt lần 2 không lý do*

Cùng địa chỉ: khu V, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án đại diện nguyên
đơn trình bày và yêu cầu:*

Ngân hàng TMCP H (sau đây gọi tắt là ngân hàng) với bà Ngô Thị Ú có
ký hợp đồng cho vay số 1199-TNT/2019/HĐCV ngày 05/12/2019 về việc ngân

hàng cho vay số tiền 120.000.000đ. Ngày 05/12/2019 ngân hàng đã giải ngân số tiền 120.000.000đ. Thời hạn vay 84 tháng, kể từ ngày 05/12/2019.

Lãi suất vay 8.99%/năm từ ngày 05/12/2019-05/12/2020. Lãi suất từ ngày 06/12/2020 bằng lãi suất tham chiếu cộng biên độ 4%/năm. Lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng /lần vào ngày 06 hàng kỳ, bắt đầu từ ngày 06/12/2020.

Kỳ hạn trả nợ gốc và lãi đều vào ngày 06 hàng tháng. Mục đích vay tiêu dùng mua trang thiết bị gia đình.

Để đảm bảo cho hợp đồng cho vay bà Ngô Thị Ú và ông Nguyễn Văn C đã ký hợp đồng thế chấp QSD đất để bảo đảm cho nghĩa vụ bảo lãnh số 01/1952539/2018/BĐ ngày 23/11/2018 và phụ lục số 01/PL-BĐ ngày 05/12/2019 để thế chấp quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số: 2203, diện tích 239,8m² (100m² ODT + 139,8m² CLN) thuộc tờ bản đồ số 1, tọa lạc khu vực T, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ. Giấy chứng nhận QSD đất số CH00942, do Ủy ban nhân dân quận T cấp ngày 30/8/2012 cho ông Nguyễn Văn C đứng tên.

Trong thời gian thực hiện hợp đồng trả được 63.221.863đ, trong đó nợ gốc: 41.428.559đ, nợ lãi trong hạn: 21.735.607đ, nợ lãi quá hạn: 57.697đ. Ngày 06/01/2020 ông Ú bà C vi phạm nghĩa vụ theo hợp đồng, sau đó ngân hàng nhiều lần nhắc nhở nhưng không thực hiện nghĩa vụ.

Ngày 25/11/2019 ngân hàng với bà Ngô Thị Ú tiếp tục ký hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, đăng ký phát hành thẻ tín dụng với hạn mức 15.000.000đ, loại thẻ visa online. Mục đích vay tiêu dùng gia đình. Lãi suất vay tính 40%/năm và lãi suất trong hạn, quá hạn được quy định tại Điều 6 của hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng. Thời hạn vay theo hợp đồng là 36 tháng. Vay theo hình thức không có tài sản đảm bảo. Phương thức trả nợ tính theo sao kê hàng tháng và ngân hàng sẽ thông báo qua email hoặc tin nhắn.

Trong thời gian sử dụng thẻ bà Ú vi phạm hợp đồng nhiều lần và ngân hàng cũng đã nhiều lần nhắc nhở sau đó bà Ú có thanh toán cho ngân hàng số tiền nợ gốc đến ngày 06/4/2023 là 6.773.309đ.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Ú và ông C có trách nhiệm thanh toán cho ngân hàng tổng số tiền nợ đối với hợp đồng cho vay số 1199-TNT/2019/HĐCV ngày 05/12/2019 tính đến ngày 06/4/2023 số tiền 94.841.682đ. Trong đó nợ gốc 78.571.441đ, nợ lãi trong hạn: 15.685.838đ, lãi quá hạn là 584.403đ và yêu cầu bà Ngô Thị Ú có trách nhiệm thanh toán cho ngân hàng đối với hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 25/11/2019 tính đến ngày 06/4/2023 với số tiền 14.028.753đ, trong đó gốc: 8.226.691đ, nợ lãi trong hạn: 4.645.817đ, lãi quá hạn 1.156.245đ. Yêu cầu bị đơn tiếp tục thanh toán nợ lãi phát sinh theo lãi suất trong hạn, quá hạn tại hợp đồng tín dụng số 1199-TNT/2019/HĐCV ngày 05/12/2019, khế ước nhận nợ và hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 25/11/2019 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Trường hợp không trả được nợ cho ngân hàng yêu cầu phát mại tài sản thế chấp để thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng thế chấp các bên đã ký kết để bảo đảm cho việc yêu cầu thi hành án.

Bị đơn bà Ngô Thị Ú, ông Nguyễn Văn C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Kiều T1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Phần các đương sự trình bày tại phiên tòa như sau:

Đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn bà Ngô Thị Ú và ông Nguyễn Văn C phải có trách nhiệm trả số tiền vay đối với hợp đồng cho vay số 1199-TNT/2019/HĐCV ngày 05/12/2019 tính đến ngày 18/5/2023 với số tiền 95.949.862đ, trong đó nợ gốc 78.571.441đ, nợ lãi trong hạn 16.693.275đ, nợ lãi quá hạn 685.146đ, yêu cầu bà Ngô Thị Ú có trách nhiệm trả tiền vay cho ngân hàng đối với hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 25/11/2019 tính đến ngày 18/5/2023 với số tiền 19.287.974đ, trong đó gốc 8.226.691đ, nợ lãi trong hạn 2.067.369đ, lãi quá hạn 8.993.914đ. Yêu cầu bị đơn tiếp tục thanh toán nợ lãi phát sinh theo lãi suất trong hạn, quá hạn tại hợp đồng tín dụng số 1199-TNT/2019/HĐCV ngày 05/12/2019, khế ước nhận nợ và hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 25/11/2019 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Trường hợp không trả được nợ cho ngân hàng yêu cầu phát mại tài sản thế chấp để thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng thế chấp các bên đã ký kết để bảo đảm cho việc yêu cầu thi hành án.

Đối với hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ, bị đơn bà Ú đăng ký và sử dụng số tài khoản là 011V000037639. Về phần lãi suất tính 32%/năm, lãi suất quá hạn 145%, ngân hàng căn cứ vào phụ lục số PL01/HD.DV.167 chi tiết sản phẩm thẻ tín dụng MSB Visa online, Quyết định số 4166/2019/QĐ-TGD ngày 28/8/2019 của ngân hàng TMCP H và hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng. Ngày bị đơn bị chuyển nợ quá hạn là ngày 09/9/2020. Bị đơn đã thanh toán được số tiền nợ gốc là 6.773.309đ, nợ lãi 3.919.751đ.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về thủ tục tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định đây là quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng tín dụng. Căn cứ Điều 26, 35, 39 Bộ luật Tố Tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

Tại phiên tòa, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt lần thứ 2 không lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt.

[2] Về nội dung: nguyên đơn yêu cầu bị đơn bà Ngô Thị Ú và ông Nguyễn Văn C có trách nhiệm trả nợ vay cho nguyên đơn tính đến ngày 18/5/2023 đối với hợp đồng cho vay số 1199-TNT/2019/HĐCV ngày 05/12/2019 với số tiền 95.949.862đ, trong đó nợ gốc 78.571.441đ, nợ lãi trong hạn 16.693.275đ, nợ lãi quá hạn 685.146đ và yêu cầu bị đơn bà Ngô Thị Ú có trách nhiệm trả cho nguyên đơn đối với hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín

dụng ngày 25/11/2019 tính đến ngày 18/5/2023 với số tiền 19.287.974đ, trong đó gốc 8.226.691đ, nợ lãi trong hạn 2.067.369đ, lãi quá hạn 8.993.914đ. Yêu cầu bị đơn tiếp tục thanh toán nợ lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết cho đến khi thanh toán hết nợ. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Hợp đồng cho vay số 1199-TNT/2019/HĐCV ngày 05/12/2019, lãi suất 8.99%/năm từ ngày 05/12/2019-05/12/2020. Lãi suất từ ngày 06/12/2020 bằng lãi suất tham chiếu cộng biên độ 4%/năm. Lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần vào ngày 06 hàng kỳ, bắt đầu từ ngày 06/12/2020. Ngân hàng đã giải ngân số tiền 120.000.000đ theo khế ước nhận nợ số 1199-TNT/2019/KUNN ngày 05/12/2019.

[2.2] Căn cứ giấy đăng ký phát hành thẻ tín dụng ngày 25/11/2019 của bà Ngô Thị Ú và hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 25/11/2019. Qua đó Ngân hàng cấp hạn mức tín dụng 15.000.000đ, loại thẻ Visa online. Lãi suất 32%/năm được thể hiện cụ thể trong hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, quyết định số 4166/2019/QĐ-TGD ngày 28/8/2019 quy định phát hành thẻ tín dụng trên hạn mức thẻ tín dụng đã phê duyệt áp dụng với sản phẩm thẻ tín dụng MSB visa online, phụ lục số PL01/HD.DV.167 chi tiết sản phẩm thẻ tín dụng MSB Visa online.

Xét thấy, Hợp đồng cho vay số 1199-TNT/2019/HĐCV ngày 05/12/2019 và hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 25/11/2019 được xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, các bên tham gia giao dịch có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự; nội dung và hình thức không trái pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Ngoài ra, đối với hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 25/11/2019, căn cứ vào báo cáo phân loại nợ thẻ tín dụng và hoạt động tài khoản do ngân hàng cung cấp đã thể hiện bị đơn bà Ú có sử dụng tiền vay, số tài khoản 011V000037639. Quá trình thực hiện hai hợp đồng bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngân hàng nhiều lần nhắc nhở nhưng không thực hiện. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở.

[2.2] Về tài sản đảm bảo đối với hợp đồng cho vay số 1199-TNT/2019/HĐCV ngày 05/12/2019: bà Ú và ông C đã ký hợp đồng thế chấp QSD đất để bảo đảm cho nghĩa vụ bảo lãnh số 01/1952539/2018/BĐ ngày 23/11/2018 và phụ lục số 01/PL-BĐ ngày 05/12/2019 để thế chấp quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số: 2203, diện tích 239,8m² (100m² ODT + 139,8m² CLN) thuộc tờ bản đồ số 1, tọa lạc khu vực T, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ. Giấy chứng nhận QSD đất số CH00942, do Ủy ban nhân dân quận T cấp ngày 30/8/2012 cho ông Nguyễn Văn C đứng tên. Việc thế chấp đã được công chứng, được đăng ký thế chấp với cơ quan có thẩm quyền. Do đó, nếu bị đơn không trả số nợ trên, nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản trên để ưu tiên thu hồi nợ.

[3] Về án phí và chi phí thẩm định: bị đơn phải chịu theo quy định.

[4] Lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định và quyết định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Các Điều 26, 35, 39, 147, 207, 227, 228, 262, 264, 266, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nghị quyết 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần H.

Buộc bị đơn bà Ngô Thị Ú ông Nguyễn Văn C có trách nhiệm trả số tiền vay đối với hợp đồng cho vay số 1199-TNT/2019/HĐCV ngày 05/12/2019 cho nguyên đơn ngân hàng Thương Mại Cổ Phần H đến ngày 18/5/2023 với số tiền 95.949.862đ (*chín mươi lăm triệu, chín trăm bốn mươi chín nghìn, tám trăm sáu mươi hai đồng*), trong đó nợ gốc: 78.571.441đ (*bảy mươi tám triệu, năm trăm bảy mươi một nghìn, bốn trăm bốn mươi một đồng*), nợ lãi trong hạn 16.693.275đ (*mười sáu triệu, sáu trăm chín mươi ba nghìn, hai trăm bảy mươi lăm đồng*), nợ lãi quá hạn 685.146đ (*sáu trăm tám mươi lăm nghìn, một trăm bốn mươi sáu đồng*).

Kể từ ngày 19/5/2023 bị đơn bà Ú, ông C còn phải chịu lãi suất phát sinh theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo hợp đồng cho vay số 1199-TNT/2019/HĐCV ngày 05/12/2019, phụ lục số 01 ngày 05/12/2019 và khế ước nhận nợ số 1199-TNT/2019/KUNN ngày 05/12/2019 các bên đã giao kết, đến khi thanh toán dứt nợ.

Buộc bị đơn bà Ngô Thị Ú có trách nhiệm trả số tiền vay đối với hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 25/11/2019 cho nguyên đơn ngân hàng Thương Mại Cổ Phần H đến ngày 18/5/2023 số tiền: 19.287.974đ (*mười chín triệu, hai trăm tám mươi bảy nghìn, chín trăm bảy mươi bốn đồng*), trong đó nợ gốc là 8.226.691đ (*tám triệu, hai trăm hai mươi sáu nghìn, sáu trăm chín mươi một đồng*), nợ lãi trong hạn 2.067.369đ (*hai triệu, không trăm sáu mươi bảy nghìn, ba trăm sáu mươi chín đồng*), lãi quá hạn 8.993.914đ (*tám triệu, chín trăm chín mươi ba nghìn, chín trăm mười bốn đồng*).

Kể từ ngày 19/5/2023 bị đơn bà Ú còn phải chịu lãi suất phát sinh theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 25/11/2019 và quyết định số 4166/2019/QĐ-TGD ngày 28/8/2019 quy định phát hành thẻ tín dụng trên hạn mức thẻ tín dụng đã phê duyệt áp dụng với sản phẩm thẻ tín dụng MSB visa online, phụ lục số PL01/HD.DV.167 chi tiết sản phẩm thẻ tín dụng MSB Visa online đến khi thanh toán dứt nợ.

Về xử lý tài sản đảm bảo: Nếu bị đơn không trả số nợ, nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 2203, diện tích 239,8m² (100m² ODT + 139,8m² CLN) thuộc tờ bản đồ số 1, tọa lạc khu vực T, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ. Giấy chứng nhận QSD đất số CH00942, do Ủy ban nhân dân quận T cấp ngày 30/8/2012 cho ông Nguyễn Văn C đứng tên để ưu tiên thu hồi nợ.

Căn cứ biên bản xem xét thẩm định tại chỗ do Tòa án lập ngày 15/3/2023 để xác định phần đất và tài sản các bên thế chấp đảm bảo.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Ngô Thị Ú ông Nguyễn Văn C phải chịu đối với hợp đồng cho vay số 1199-TNT/2019/HĐCV ngày 05/12/2019 là 4.797.000đ (*bốn triệu, bảy trăm chín mươi bảy nghìn đồng*).

Bị đơn bà Ngô Thị Ú phải chịu đối với hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 25/11/2019 là 964.000đ (*chín trăm sáu mươi bốn nghìn đồng*).

Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 2.406.000đ (*hai triệu, bốn trăm linh sáu nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0004869, ngày 03/01/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

Về chi phí xem xét thẩm định: Các khoản hết 3.000.000đ (*ba triệu đồng*), nguyên đơn đã tạm ứng và chi xong. Bị đơn bà Ngô Thị Ú và ông Nguyễn Văn C phải nộp để chuyển trả cho nguyên đơn.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Cần Thơ;
- VKS quận Thốt Nốt;
- Chi cục THA dân sự quận Thốt Nốt;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Khúc Thị Hồng

